TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/DS-ST
Ngày: 13-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyễn Ngọc Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Cao Trí.

2. Bà Nguyễn Thị Vân Khanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại Phòng xử án A trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956; thường trú: Số 2/29, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1967; thường trú: Số 20/20A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2017, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Do quen biết, vào ngày 01/01/2010 bà Nguyễn Thị M đã cho bà Đinh Thị N vay số tiền 45.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà N có viết giấy mượn tiền của bà M, với thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 06/6/2010. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận miệng mức lãi suất bằng lãi suất đi vay Ngân hàng thời điểm năm 2010. Đến ngày 06/6/2010, bà N không thanh toán số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng cho bà M, chỉ khi nào bà M đòi nợ thì bà N năn nỉ do hoàn cảnh khó khăn và trả tiền lãi cho bà M. Đầu năm 2017, do cần vốn làm ăn nên bà M đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bà N cố tình trốn tránh, không có ý thức trả nợ cho bà M. Nay bà M khởi kiện

yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà M số tiền 45.000.000 đồng đã vay và không yêu cầu tính lãi suất.

** Đối với bị đơn bà Đinh Thị N:* Quá trình tố tụng, bà Đinh Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và yêu cầu bà N có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng bà N không có ý kiến trả lời. Tòa án đã triệu tập bà N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/01/2018, tham gia phiên tòa vào các ngày 23/3/2018 và ngày 13/4/2018, nhưng bà N vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn xin không tiến hành hòa giải, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn bà Nguyễn Thị M chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Đinh Thị N được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 23/3/2018 và ngày 13/4/2018 nhưng bà N đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp, các chứng cứ Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đương sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 45.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 01/01/2010, bà Nguyễn Thị M cho bà Đinh Thị N vay 45.000.000 đồng, với mức lãi suất tương ứng theo mức lãi suất Ngân hàng, thời hạn vay là 06 tháng được tính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 06/6/2010. Từ ngày 06/6/2010 bà N trả tiền lãi cho bà M nhưng không thường xuyên. Đến đầu năm 2017, bà M nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bà N không thực hiện. Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu bà N phải trả lại cho bà M số tiền nợ là 45.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do đó, xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm".* Bà Nguyễn Thị M trình bày vào đầu năm 2017, bà M yêu cầu trả số tiền 45.000.000 đồng nhưng bà N cố tình trốn tránh không trả. Đến ngày 24/10/2017, bà M khởi kiện bà N yêu cầu thanh toán số tiền vay 45.000.000 đồng nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện bà Đinh Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Hiện nay, bà Đinh Thị N sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại số nhà 20/20A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Đinh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 23 tháng 3 năm 2018 và ngày 13 tháng 4 năm 2018 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M, bà Đinh Thị N.

[5] Về nội dung vụ án: Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị M trình bày ngày 01/01/2010 cho bà Đinh Thị N vay số tiền 45.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà N viết giấy mượn tiền cho bà M, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 06/6/2010. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận miệng mức lãi suất vay bằng lãi suất đi vay Ngân hàng thời điểm năm 2010. Đến ngày 06/6/2010, bà N không thanh toán số tiền nợ gốc nhưng thỉnh thoảng vẫn trả tiền lãi khi bà M yêu cầu. Đến đầu năm 2017, bà M yêu cầu trả số tiền 45.000.000 đồng nhưng bà N cố tình trốn tránh không trả. Như vậy, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N trả số tiền 45.000.000 đồng cho bà M, không yêu cầu tính tiền lãi. Chứng cứ bà M cung cấp là bản chính giấy mượn tiền ngày 01/01/2010 do bà N viết và ký tên xác nhận. Do bà Đinh Thị N được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình, nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ lời trình bày của bà M, phù hợp với chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 01/01/2010, có căn cứ chấp nhận khởi kiện của bà M về việc yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả cho bà M số tiền còn nợ 45.000.000 đồng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tại phiên tòa đối với quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị N phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho Nguyễn Thị M theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn bà Đinh Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Đinh Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đinh Thị N không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Đinh Thị N phải chịu 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị M số tiền 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010259 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyn thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Nguyễn Ngọc Quang